

Bản án số: 88/2023/HS-ST

Ngày: 06/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 74/2023/TLST-HS ngày 11/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXX ngày 23/5/2023 đối với bị cáo:

Trần Văn Đ; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 03/5/1985;

Nơi cư trú: Xóm Đồng Cầu, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Trần Văn S, sinh năm 1958; con bà: Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có 04 anh em, Đ là con thứ hai; Vợ con: chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Trần Văn Đ bị bắt tạm giữ từ ngày 20/01/2023, đến ngày 23/01/2023 chuyển tạm giam, đến nay đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Đ: Bà Nguyễn Thị Dung – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Khang A S, sinh năm 1997;

HKTT: Bản Noong Thẳng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

(Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Khang A C, sinh năm 1990; Trú tại: Bản Noong Thăng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

2. Anh Sùng A P, sinh năm 2000; Trú tại: Bản Noong Thăng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

3. Anh Giàng A D, sinh năm 2002; Trú tại: Bản Noong Thăng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

4. Chị Ú Thị M, sinh năm 1992; Trú tại: Bản Noong Thăng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

- **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 12/3/2022, Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , gắn biển kiểm soát 20B1 – 294.46 trên đoạn đường gom khu công nghiệp Diêm Thụy hướng đi nút giao Yên Bình. Khi đi qua khu vực đèn xanh đỏ gần cổng chào khu công nghiệp Diêm Thụy thuộc tổ dân phố Yên Mễ, phường Hồng Tiến, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Đ nhìn thấy anh Khang A S (sinh năm 1997; trú tại: Bản Noong Thăng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu) đang đi bộ cùng bạn ở rìa đường bên phải cùng hướng đi của Đ. Trên tay trái của anh S đang cầm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 202, đang nghe nhạc tại tai trái. Đ nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại của anh S. Đ điều khiển xe mô tô đi từ phía sau đến sát người anh S, dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động của anh S, đặt điện thoại vào vị trí để đồ gần với yên xe mô tô rồi tăng ga bỏ chạy. Anh S thấy vậy đuổi theo khoảng 04 đến 05 mét thì đuổi kịp, giữ vào tay xách đuôi xe mô tô của Đ kéo lại khiến chiếc xe mô tô đổ ngã xuống mặt đường, Đ và anh S cũng ngã theo, chiếc điện thoại Đ vừa chiếm đoạt được cũng rơi xuống đất gần đó. Anh S đã hô hoán “Cướp” thì Đ bỏ lại xe mô tô rồi chạy về hướng cổng chào khu công nghiệp Diêm Thụy. Anh S nhặt chiếc điện thoại lên rồi cùng anh Khang A C (sinh năm 1990; nơi cư trú: Bản Noong Thăng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu), anh Sùng A P (sinh năm 2000; nơi cư trú: bản Noong Thăng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu) đuổi theo không chế được Đ tại khu vực cổng công ty ALK VINA. Sau đó, anh Khang A S đã trình báo Công an xã (nay là phường) Hồng Tiến đến lập biên bản giải quyết.

Tiếp nhận thông tin Công an xã (nay là phường) Hồng Tiến lập biên bản làm việc, Đ đã thừa nhận hành vi cướp tài sản của bị hại.

Ngày 13/5/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Văn Đ về hành vi “Cướp giật tài sản”, đồng thời ra lệnh bắt bị can để tạm giam. Tuy nhiên, Đ trốn khỏi địa phương, hết thời hạn điều tra mà không bắt được, vụ án phải tạm đình chỉ điều tra. Ngày 10/01/2023 CQĐT Công an thành phố Phổ

Yên phải ra Quyết định truy nã Trần Văn Đ, đến ngày 20/01/2023 Đ bị Công an huyện Đồng Hỷ bắt được.

Quá trình điều tra Trần Văn Đ khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 12/3/2022, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , gắn biển kiểm soát 20B1 – 294.46 (xe của Đ mua) đi từ phía sau đến sát người anh Khang A S, dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động của anh S trong khi anh S đang dùng nghe nhạc. Sau khi giật được điện thoại, Đ đặt vào giá để đồ gần yên xe mô tô rồi tăng ga bỏ chạy. Sau đó, Đ đã bị anh S cùng người đi bộ trên khu vực đường gom khu công nghiệp Đầm Thụy đuổi theo bắt giữ đưa vào phòng bảo vệ của Công ty TNHH ALK VINA để làm việc. Anh S đã trình báo Công an xã Hồng Tiến đến lập biên bản sự việc về hành vi Đ vi phạm.

Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , gắn biển kiểm soát 20B1 – 294.46 Đ sử dụng: Bị cáo khai mua năm 2012 với giá 12.000.000đ tại cửa hàng mua bán xe máy thuộc huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Không nhớ đăng ký xe mang tên ai, hiện đăng ký xe đã bị mất (do chưa sang tên, đổi chủ). Xe đã bị lập biên bản thu giữ vật chứng.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 2021, của anh Khang A S do Đ trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật, ngày 15/3/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên ra Yêu cầu định giá số 17 đối với chiếc điện thoại di động do Đ chiếm đoạt của anh S.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 20 ngày 15/3/2022, của Hội đồng định giá tài sản thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 2021, màu xanh, điện thoại đã qua S dụng; hiện trạng điện thoại còn nguyên vẹn và S dụng bình thường có trị giá là **2.400.000 đồng** (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn). Tài sản hiện được trả lại cho anh S quản lý, S dụng.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số: 87/CT-VKSPY ngày 09/5/2023, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố Trần Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Văn Đ tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Các tình tiết giảm nhẹ được hưởng: Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171, Điểm h, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Đ mức án từ 04 đến 05 năm tù

3. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản nên không xem xét.

5. Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, gắn biển kiểm soát 20B1 – 294.46.

6. Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị áp dụng Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đ. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đ thể hiện luận cứ bào chữa:

Đánh giá tính chất vụ án: Đồng ý quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng tội, vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, qua phân tích đề Hội đồng xét xử cân nhắc mức án khi lượng hình thấy: Bị cáo là đối tượng hộ nghèo gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế. Tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị khi lượng hình có tính răn đe nhưng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo hơi cao. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án đầu khung hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xem xét miễn hình phạt bổ sung do là hộ cận nghèo.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí do là hộ cận nghèo

Bị cáo Đ nhất trí lời bào chữa của trợ giúp viên, không có ý kiến bổ sung.

VKS đối đáp quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên đối với bị cáo:

Giữa nguyên quan điểm luận tội đối với bị cáo. Về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị trong phần luận tội là phù hợp đã được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng 02 tình tiết tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; trong giai đoạn điều tra bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương gây cản trở hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng nên mức án từ 4 – 5 năm tù VKS đề nghị là phù hợp.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp, tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1.1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra vụ án, các quyết định và các hành vi tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Tất cả các Quyết định tố tụng trong vụ án đều được lập, giao nhận cho những người tham gia tố tụng theo đúng trình tự mà pháp luật quy định. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa do trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày quan điểm của mình đối với hành vi phạm tội của bị cáo; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong hồ sơ đã có lời khai thể hiện quan điểm của họ; Kiểm sát viên, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét thấy, việc người bị hại và người làm chứng vắng mặt không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3]. Bị cáo Trần Văn Đ thuộc hộ cận nghèo của xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên nên được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử Trợ giúp viên tham gia bào chữa cho bị cáo, bị cáo nhất trí người bào chữa theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định phê duyệt các xã vùng I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý.

[2]. Đánh giá về tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo Trần Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Lợi dụng sơ hở của người đi đường đang sử dụng điện thoại di động, không quan sát xung quanh. Bị cáo là người điều khiển xe mô tô và trực tiếp giật chiếc điện thoại trên tay anh Khang A S, một cách nhanh chóng, công khai, sau khi giật được điện thoại bị cáo để tại vị trí để đồ gần yên xe mô tô rồi tăng ga xe mô tô bỏ chạy. Tuy nhiên, bị hại đã hô hoán người đi bộ trong khu vực hỗ trợ cùng bị hại đuổi và khống chế được bị cáo Trần Văn Đ, tiến hành giao nộp người vật chứng cho Công an xã Hồng Tiến lập biên bản làm việc. Bị cáo xác định thực hiện hành vi phạm tội mà không có đồng phạm khác tham gia.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Văn Đ có hành vi điều khiển xe gắn máy áp sát rồi công khai giật điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 2021, màu xanh đã trị giá 2.400.000 đồng của anh Khang A S. Như vậy hành vi của bị cáo Trần Văn Đ đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố nơi đông người và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe gắn máy, là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người đang lưu thông trên đường.

[3]. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn tại bản cáo trạng số: 87/CT - VKSPY ngày 09 tháng 5 năm 2023, là hoàn toàn có căn cứ và đúng luật, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Cụ thể Điều 171 Bộ luật Hình sự luật có nội dung:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm; ...”

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét về tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác mà không phải lao động nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi tội phạm, chứng tỏ bị cáo có thái độ xem thường pháp luật.

Hành vi phạm tội nêu trên còn được 3 ngành tổ tụng thành phố Phổ Yên lựa chọn làm án trọng điểm, xét xử tại địa phương không những nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung mà còn nhằm phổ biến, tuyên truyền pháp luật trong nhân dân, giúp họ nâng cao ý thức cảnh giác hơn nữa trong việc tự bảo vệ, quản lý tài sản, tính mạng của mình; tự giác chấp hành pháp luật.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi ngay trả cho bị hại nên xác định thiệt hại gây ra không lớn. Do đó, xét cho bị cáo hưởng các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt cần áp dụng:

Xét tính chất vụ án cũng như nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được Luật hình sự Việt Nam bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho người dân đi đường. Trường hợp dùng “thủ đoạn nguy hiểm” xe mô tô để chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng chạy thoát còn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của chủ sở hữu tài sản. Trong quá trình điều tra sau khi khởi tố vụ án bị cáo trốn tránh khỏi địa phương, cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh phải ra Quyết định truy nã nên đã làm cản trở hoạt động điều tra của cơ quan tiến hành tố tụng. Để giữ nghiêm kỷ cương luật pháp và còn làm gương răn đe chung, cần có hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Trần Văn Đ không có việc làm và thu nhập ổn định, lại là hộ cận nghèo của địa phương nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt tù và đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị về hình phạt và xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự trong vụ án của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, được chấp nhận.

[7]. Luận cứ bào chữa của trợ giúp viên đối với bị cáo, đề nghị áp dụng mức hình phạt 3 – 4 năm tù và đề nghị cho hưởng mức án đầu khung hình phạt theo quy định của Điều luật. Xét thấy, việc đề nghị áp dụng mức án đầu khung hình phạt tù đối với bị cáo của người bào chữa là thấp không đủ răn đe, bởi sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh phải ra Quyết định truy nã, gây cản trở đến hoạt động tố tụng điều tra, làm kéo dài vụ án, điều đó thể hiện có thái độ xem thường pháp luật. Tuy nhiên, khung hình phạt người bào chữa đề nghị từ 3 – 4 năm tù là phù hợp nên được chấp nhận.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ngày hôm nay, người bị hại có đơn xin vắng mặt, xong tại quá trình điều tra anh S xác nhận đã nhận lại tài sản nguyên vẹn, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ của Trần Văn Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , gắn biển kiểm soát 20B1-294.46, RLHHC1202BY469625, số máy HC12E-3269691, đã qua sử dụng, đăng ký mang tên chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1994, trú tại: xóm Núi Hột, xã Linh Sơn,

huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Đ khai đã mua từ năm 2012 (do chưa sang tên, đổi chủ). Qua xác minh tra cứu xe máy vật chứng của CQĐT kết quả: *”không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng”*. Tiến hành xác minh chủ sở hữu theo đăng ký mô tô xe máy của CQCS ĐT đối với chị H. chị H xác định: Chị đã bán xe nhưng không nhớ cụ thể thời gian, chị bán cho cửa hàng xe máy không nhớ tên. Chị xác định trong quá trình sử dụng và bán xe chứ không bị mất trộm. Như vậy, bị cáo Trần Văn Đ xác nhận chiếc xe mô tô do mình là chủ sở hữu là có căn cứ, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do đó, cần tịch thu thu xung công quỹ Nhà nước.

[10]. Án phí: Bị cáo Trần Văn Đ được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14.

[11]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Văn Đ**, phạm tội *“Cướp giật tài sản”*.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171, Điểm h, s Khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn Đ 04** (bốn) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/01/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự Quyết định tạm giam bị cáo Trần Văn Đ 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo Đ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu. HĐXX không xem xét.

4. Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu xung công quỹ Nhà nước:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, gắn biển kiểm soát 20B1-294.46, số khung: RLHHC1202BY469625, số máy HC12E-3269691, đã qua sử dụng, han rỉ, không có gương.

(Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Phổ Yên với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên ngày 09/5/2023).

5. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Văn Đ.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo tại phiên tòa. Báo cho biết bị cáo, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại tại phiên tòa. Báo cho biết người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được Sa đổi, bổ sung năm 2014./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thành phố Phổ Yên;
- VKS nhân dân thành phố Phổ yên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Thi hành án thành phố Phổ Yên;
- Bị cáo; bị hại, người liên quan;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

(Giải thích chế định án treo tại Điều 60 BLHS cho bị cáo, Đ diện bị cáo)

Theo quy định của khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999 và Nghị Quyết 01/2013 củ HĐTP Tòa án nhân dân tối cáo hướng dân, thì người được hưởng án treo phải tuân thủ thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, trong thời gian thử thách nếu phạm tội mới, thì Toà án quyết định buộc họ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 51 BLHS,